

TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 162/2018/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực hàng không dân dụng

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...S...
	Ngày: ...30/11/18...

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam
ngày 21 tháng 11 năm 2014;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong
lĩnh vực hàng không dân dụng.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong lãnh thổ Việt Nam, trên tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; các tổ chức nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam; văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

3. Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với các tổ chức, trừ mức phạt tiền quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6; điểm i, k khoản 1 Điều 7; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8; khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 9; khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 5 Điều 10; khoản 1, 2, 3, 4 và điểm g khoản 5 Điều 11; khoản 1 Điều 12; điểm b, c khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 14; khoản 1, 2 và điểm a, d, đ khoản 3, khoản 4, 5 Điều 15; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16; khoản 1, 2 Điều 17; khoản 1 và điểm a, b, d khoản 2 Điều 18; khoản 1, 2 Điều 19; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21; khoản 1, 2 Điều 24; khoản 1, 2, 3 Điều 25; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 26; điểm a, b, đ khoản 1 Điều 27; khoản 1, 2, 3 và điểm a khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 28; khoản 1, 2, 3 Điều 30 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần đối với cá nhân.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên tàu bay và trên phương tiện, thiết bị;

- b) Buộc tái xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay đã được nhập khẩu vào Việt Nam;
- c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;
- d) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt không có Giấy phép hoặc xây dựng không đúng với Giấy phép;
- đ) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;
- e) Buộc trả lại đồ vật, thiết bị hoặc tài sản đã trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép;
- g) Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm hoặc buộc trả lại phần mặt bằng;
- h) Buộc thực hiện bảo trì công trình;
- i) Buộc tổ chức kiểm tra lại, thi lại;
- k) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra, thi;
- l) Buộc thu hồi chứng chỉ hành nghề đã cấp;
- m) Buộc hủy bỏ kết quả khám, giám định sức khỏe;
- n) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được;
- o) Buộc thực hiện bảo dưỡng và lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay.

Chương II

HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1

VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÀU BAY

Điều 5. Vi phạm quy định về quốc tịch tàu bay

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- a) Đưa tàu bay vào hoạt động mà dấu hiệu quốc tịch hoặc dấu hiệu đăng ký tàu bay được sơn, gắn trên tàu bay không đúng quy định;
- b) Đưa tàu bay mang quốc tịch Việt Nam vào hoạt động mà dấu hiệu được sơn hoặc gắn lên tàu bay có nội dung hoặc hình thức giống hoặc gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào hoạt động mà không sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký tàu bay.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào khai thác mà không có Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch, trừ trường hợp thử nghiệm thực tế tính năng bay của tàu bay theo quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên tàu bay đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay không đúng theo Giấy phép đã được cấp;

b) Lưu trữ không đủ hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay mà không có hoặc không phù hợp với Giấy chứng nhận loại tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Sử dụng tàu bay, động cơ, cánh quạt, phụ tùng tàu bay không đúng mục đích;

c) Không có hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay theo quy định;

d) Không duy trì, cập nhật Chương trình bảo dưỡng tàu bay theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lắp đặt thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay đang khai thác mà không có Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện;

b) Làm sai lệch cấu hình tàu bay đã được phê duyệt; làm thay đổi cấu hình tàu bay mà không được phê chuẩn hoặc công nhận;

c) Không thực hiện các chỉ lệnh đủ điều kiện bay, chỉ lệnh khai thác do cơ quan có thẩm quyền công nhận, ban hành;

d) Không thực hiện công việc bảo dưỡng tàu bay theo kế hoạch bảo dưỡng đã được phê chuẩn; không sửa chữa, khắc phục các hỏng hóc của tàu bay phù hợp với các tiêu chuẩn, tài liệu bảo dưỡng tàu bay đã được phê duyệt;

đ) Không duy trì tiêu chuẩn, điều kiện khác của tàu bay phù hợp với cấu hình tàu bay đã được phê chuẩn.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào khai thác mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay đã được nhập khẩu vào Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm trên tàu bay đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì đủ điều kiện của tổ chức bảo dưỡng tàu bay về tổ chức bộ máy, nhà xưởng, công cụ, dụng cụ, phụ tùng, vật tư;

b) Không duy trì đủ điều kiện về trang bị, thiết bị mặt đất phục vụ bảo dưỡng tàu bay theo tài liệu bảo dưỡng tàu bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, thân tàu bay, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay ngoài phạm vi năng định được phê chuẩn;

d) Thuê dịch vụ bảo dưỡng, bảo dưỡng dự phòng, cải tiến đối với toàn bộ sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận loại trong phạm vi năng định của tổ chức bảo dưỡng đã được cấp giấy phép;

đ) Che giấu sai sót trong bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;

e) Không thực hiện đánh giá nhà thầu phụ, giám sát công việc bảo dưỡng của nhà thầu phụ;

g) Không có đủ hoặc không cập nhật đủ, kịp thời tài liệu, dữ liệu bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và thiết bị tàu bay theo quy định;

h) Lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay không đầy đủ theo quy định;